Ký bởi: Trung tâm Công báo
Email: ttcb.ubnd@tphcm.gov.vn
Cơ quan: Thành phố Hồ Chí Minh
Thời gian ký: 02.06.2020 15:50:48 +07:00

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

CÔNG BÁO

Thành phố Hồ Chí Minh

Số 147 + 148 **Ngày 01 tháng 6 năm 2020**

MỤC LỤC

Trang

PHẦN VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ

16-4-2020- Quyết định số 11/2020/QĐ-UBND về ban hành tiêu chuẩn, định mức sử dụng xe ô tô chuyên dùng lĩnh vực y tế đối với Trung tâm Cấp cứu 115 thuộc Sở Y tế. 4

27-4-2020- Quyết định số 12/2020/QĐ-UBND ban hành tiêu chuẩn, định mức sử dụng máy móc, thiết bị chuyên dung trong lĩnh vực thông tin và truyền thông của các cơ quan, tổ chức tại Thành phố Hồ Chí Minh. 7

ỦY BAN NHÂN DÂN QUẬN BÌNH TÂN

23-4-2020- Quyết định số 05/2020/QĐ-UBND về bãi bỏ Quyết định số 08/2009/Q Đ-UBND ngày 16 tháng 4 năm 2009 của Ủy ban nhân dân quận Bình Tân về ban hành Quy định tiếp công dân, xử lý đơn, giải quyết tranh chấp, khiếu nại, tố cáo trên địa bàn quận Bình Tân. 25

ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN CỦ CHI

21-4-2020- Quyết định số 03/2020/QĐ-UBND ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Phòng Văn hóa và Thông tin huyện Củ Chi. 27

PHẦN VĂN BẢN KHÁC

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ

15-4-2020- Quyết định số 1292/QĐ-UBND về việc ban hành Bộ tiêu chí, trình tự, thủ tục đánh giá phân hạng sản phẩm Chương trình mỗi xã một sản phẩm (OCOP) tại Thành phố Hồ Chí Minh. 38

BAN CHỈ ĐẠO PHÒNG, CHỐNG DỊCH COVID-19

23-4-2020- Quyết định số 1367/QĐ-BCĐ về việc ban hành Bộ tiêu chí đánh giá an toàn trong phòng, chống dịch COVID-19 đối với hoạt động du lịch trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh. 51

23-4-2020- Quyết định số 1368/QĐ-BCĐ về việc ban hành Bộ tiêu chí đánh giá an toàn trong phòng, chống dịch COVID-19 đối với hoạt động giao thông vận tải trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh. 57

23-4-2020- Quyết định số 1369/QĐ-BCĐ về việc ban hành Bộ tiêu chí đánh giá an toàn trong phòng, chống dịch COVID-19 đối với hoạt động kinh doanh dịch vụ ăn uống trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh. 61

23-4-2020- Quyết định số 1370/QĐ-BCĐ về việc ban hành Bộ tiêu chí đánh giá an toàn trong phòng, chống dịch COVID-19 tại chợ đầu mối, chợ truyền thống (có nhà lồng), siêu thị, trung tâm thương mại trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh. 66

23-4-2020- Quyết định số 1371/QĐ-BCĐ về việc ban hành Bộ tiêu chí đánh giá an toàn trong phòng, chống dịch COVID-19 đối với cơ sở giáo dục mầm non và cơ sở giáo dục phổ thông trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh. 71

Ký bởi: Trung tâm Công báo
Email: ttcb.ubnd@tphcm.gov.vn
Cơ quan: Thành phố Hồ Chí Minh
Thời gian ký: 02.06.2020 15:51:03 +07:00

PHẦN VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ

ỦY BAN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 11/2020/QĐ-UBND	*Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 16 tháng 4 năm 2020*

QUYẾT ĐỊNH

Về ban hành tiêu chuẩn, định mức sử dụng xe ô tô chuyên dùng lĩnh vực y tế đối với Trung tâm Cấp cứu 115 thuộc Sở Y tế

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Quản lý sử dụng tài sản công ngày 21 tháng 6 năm 2017;

Căn cứ Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật;

Căn cứ Nghị định số 151/2017/NĐ-CP ngày 26 tháng 12 năm 2017 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Quản lý, sử dụng tài sản công;

Căn cứ Nghị định số 04/2019/NĐ-CP ngày 11 tháng 01 năm 2019 của Chính phủ quy định tiêu chuẩn, định mức sử dụng xe ô tô;

Căn cứ Nghị quyết số 02/2020/NQ-HĐND ngày 27 tháng 3 năm 2020 của Hội đồng nhân dân thành phố về công tác phòng, chống dịch Covid-19 và cho chủ trương về một số chế độ để phục vụ công tác phòng, chống dịch Covid-19; Hỗ trợ người lao động bị tác động bởi dịch Covid-19 trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng

Quyết định này quy định về tiêu chuẩn, định mức sử dụng xe ô tô chuyên dùng lĩnh vực y tế đối với Trung tâm Cấp cứu 115 - thuộc Sở Y tế.

Điều 2. Tiêu chuẩn, định mức sử dụng xe ô tô chuyên dùng

1. Số lượng: Tối đa 10 chiếc.

2. Chủng loại: Xe ô tô chuyên dùng áp lực âm (xe cứu thương chuyên dụng có áp lực âm).

3. Mức giá: Giá thị trường tại thời điểm mua sắm, trang bị.

Điều 3. Nguyên tắc trang bị, quản lý, sử dụng xe ô tô chuyên dùng

1. Tiêu chuẩn, định mức sử dụng xe ô tô chuyên dùng quy định tại Quyết định này được sử dụng làm căn cứ để lập kế hoạch mua sắm, điều chuyển xe ô tô chuyên dùng.

2. Việc quản lý, sử dụng xe ô tô chuyên dùng phải được thực hiện công khai, minh bạch, đảm bảo thực hành tiết kiệm, chống lãng phí.

3. Số lượng xe ô tô chuyên dùng quy định tại Điều 2 Quyết định này là số lượng tối đa có tại đơn vị.

4. Việc mua sắm xe ô tô chuyên dùng tại Quyết định này phải đảm bảo đúng chế độ, tiêu chuẩn định mức, quy định của pháp luật về mua sắm tài sản công và các văn bản pháp luật khác có liên quan.

5. Nguồn kinh phí mua xe phải được sắp xếp, bố trí trong dự toán được cấp có thẩm quyền giao cho cơ quan, tổ chức, đơn vị đảm bảo tiết kiệm, hiệu quả và phù hợp theo quy định của pháp luật.

Điều 4. Trách nhiệm của Thủ trưởng đơn vị

1. Tuân thủ đúng quy định về tiêu chuẩn, định mức, nguyên tắc trang bị, quản lý và sử dụng tài sản đúng theo quy định tại Quyết định này và các quy định khác tại các văn bản pháp luật có liên quan.

2. Thực hiện mua sắm xe ô tô chuyên dùng áp lực âm (xe cứu thương chuyên dụng có áp lực âm) theo đúng tiêu chuẩn, định mức được ban hành tại Điều 2 Quyết định này.

Điều 5. Trách nhiệm của Sở Y tế

1. Kiểm tra, giám sát việc thực hiện quy định về tiêu chuẩn, định mức sử dụng, nguyên tắc trang bị, quản lý sử dụng xe ô tô chuyên dùng áp lực âm (xe cứu thương chuyên dụng có áp lực âm) quy định tại Quyết định này và các quy định khác tại các văn bản pháp luật có liên quan.

2. Tổng hợp, báo cáo Ủy ban nhân dân thành phố xem xét, quyết định việc điều chỉnh hoặc ban hành bổ sung danh mục tiêu chuẩn, định mức sử dụng xe ô tô chuyên dùng lĩnh vực y tế tại các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc thành phố quản lý trên cơ sở quy định chi tiết, hướng dẫn của Bộ Y tế hoặc ý kiến bằng văn bản của Bộ Y tế và Bộ Tài chính.

Điều 6. Trách nhiệm của Kho bạc Nhà nước thành phố

Căn cứ tiêu chuẩn, định mức sử dụng xe ô tô chuyên dùng áp lực âm (xe cứu thương chuyên dụng có áp lực âm) kèm theo Quyết định này thực hiện kiểm soát chi đối với đơn vị.

Điều 7. Điều khoản thi hành

Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày 26 tháng 4 năm 2020.

Điều 8. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân thành phố, Giám đốc Kho bạc Nhà nước thành phố, Giám đốc Sở Tài chính, Giám đốc Sở Y tế, Giám đốc Trung tâm Cấp cứu 115 và các tổ chức, đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Trần Vĩnh Tuyến

Ký bởi: Trung tâm Công báo
Email: ttcb.ubnd@tphcm.gov.vn
Cơ quan: Thành phố Hồ Chí Minh
Thời gian ký: 02.06.2020 15:51:14 +07:00

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: 12/2020/QĐ-UBND	*Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 27 tháng 4 năm 2020*

QUYẾT ĐỊNH

Ban hành tiêu chuẩn, định mức sử dụng máy móc, thiết bị chuyên dùng trong lĩnh vực thông tin và truyền thông của các cơ quan, tổ chức tại Thành phố Hồ Chí Minh

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Quản lý, sử dụng tài sản công ngày 21 tháng 6 năm 2017;

Căn cứ Quyết định số 50/2017/QĐ-TTg ngày 31 tháng 12 năm 2017 của Thủ tướng Chính phủ về quy định tiêu chuẩn, định mức sử dụng máy móc, thiết bị;

Căn cứ Nghị quyết số 12/NQ-HĐND ngày 27 tháng 3 năm 2020 của Hội đồng nhân dân thành phố cho ý kiến về tiêu chuẩn, định mức sử dụng máy móc, thiết bị chuyên dùng lĩnh vực thông tin và truyền thông.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Quyết định này quy định về ban hành tiêu chuẩn, định mức sử dụng máy móc, thiết bị chuyên dùng trong lĩnh vực thông tin và truyền thông cho các cơ quan, tổ chức tại Thành phố Hồ Chí Minh.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

Cơ quan nhà nước, cơ quan Đảng cộng sản Việt Nam, tổ chức chính trị - xã hội được ngân sách nhà nước đảm bảo kinh phí hoạt động, đơn vị sự nghiệp công lập, ban quản lý dự án sử dụng vốn nhà nước (sau đây gọi là cơ quan, tổ chức) tại Thành phố Hồ Chí Minh.

Điều 3. Tiêu chuẩn, định mức sử dụng máy móc, thiết bị chuyên dùng trong lĩnh vực thông tin và truyền thông

Tiêu chuẩn, định mức sử dụng máy móc, thiết bị chuyên dùng trong lĩnh vực thông tin và truyền thông tại cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc Thành phố Hồ Chí Minh được quy định chi tiết tại phụ lục kèm theo Quyết định này.

Điều 4. Nguyên tắc áp dụng tiêu chuẩn, định mức sử dụng máy móc, thiết bị chuyên dùng trong lĩnh vực thông tin và truyền thông

1. Tiêu chuẩn, định mức sử dụng máy móc, thiết bị chuyên dùng trong lĩnh vực thông tin và truyền thông quy định tại Quyết định này được sử dụng làm căn cứ để lập kế hoạch và dự toán ngân sách; giao, đầu tư, mua sắm, thuê, khoán kinh phí sử dụng máy móc, thiết bị; quản lý, sử dụng máy móc, thiết bị.

2. Tiêu chuẩn, định mức sử dụng máy móc, thiết bị chuyên dùng trong lĩnh vực thông tin và truyền thông được xác định theo từng cơ quan, tổ chức và đơn vị. Trường hợp các cơ quan, tổ chức, đơn vị ở cấp tương đương thì có thể áp dụng theo tiêu chuẩn, định mức của cơ quan, tổ chức, đơn vị ở cấp đó.

3. Đối với dự án sử dụng nguồn hỗ trợ phát triển chính thức (ODA), vốn vay ưu đãi, viện trợ không hoàn lại có quy định cụ thể về chủng loại, số lượng mức giá của máy móc, thiết bị phục vụ công tác quản lý dự án thì thực hiện theo Hiệp định đã được ký kết hoặc văn kiện dự án được cấp có thẩm quyền phê duyệt. Trường hợp hiệp định hoặc văn kiện dự án không quy định cụ thể thì thực hiện theo tiêu chuẩn, định mức sử dụng máy móc, thiết bị quy định tại Quyết định này.

4. Số lượng của máy móc, thiết bị chuyên dùng trong lĩnh vực thông tin và truyền thông trang bị cho các cơ quan, tổ chức, đơn vị được quy định tại Quyết định này là mức tối đa. Cơ quan, người có thẩm quyền quyết định đầu tư, mua sắm căn cứ chức năng, nhiệm vụ, tính chất công việc, nhu cầu sử dụng và khả năng nguồn kinh phí được phép sử dụng để quyết định số lượng và giá mua cụ thể cho phù hợp, đảm bảo tiết kiệm, hiệu quả.

5. Tiêu chuẩn, định mức máy móc, thiết bị chuyên dùng theo quy định tại Điều 3 Quyết định này được áp dụng đối với máy móc, thiết bị đủ tiêu chuẩn tài sản cố định theo quy định của chế độ quản lý, tính hao mòn tài sản cố định tại cơ quan, tổ chức, đơn vị. Máy móc, thiết bị chuyên dùng không đủ điều kiện tiêu chuẩn tài sản cố định, cơ quan, người có thẩm quyền quyết định giao, đầu tư, mua sắm, điều chuyển, thuê theo quy định của pháp luật quyết định việc trang bị phù hợp với chức năng, nhiệm

vụ, tính chất công việc, nhu cầu sử dụng và khả năng nguồn kinh phí được phép sử dụng, bảo đảm tiết kiệm, hiệu quả.

Điều 5. Điều khoản thi hành

Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 07 tháng 5 năm 2020.

Điều 6. Trách nhiệm thi hành

Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân thành phố, Giám đốc Kho bạc Nhà nước thành phố, giám đốc các sở, ban, ngành, chủ tịch Ủy ban nhân dân quận, huyện, thủ trưởng các đơn vị sự nghiệp công lập, các tổ chức có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Trần Vĩnh Tuyến

Phụ lục

TIÊU CHUẨN ĐỊNH MỨC MÁY MÓC, THIẾT BỊ CHUYÊN DÙNG LĨNH VỰC THÔNG TIN VÀ TRUYỀN THÔNG SỬ DỤNG TRONG CƠ QUAN, TỔ CHỨC TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

(Kèm theo Quyết định số 12/2020/QĐ-UBND ngày 27 tháng 4 năm 2020 của Ủy ban nhân dân thành phố)

A. KHỐI CÁC TRUNG TÂM ĐIỀU HÀNH ĐÔ THỊ THÔNG MINH

TT	Danh mục	Đơn vị tính	Số lượng	Thuyết minh
I. TRUNG TÂM ĐIỀU HÀNH, CHỈ HUY CẤP THÀNH PHỐ				
1	Hệ thống màn hình ghép phục vụ giám sát, quản lý tập trung (màn hình, bộ điều khiển, khung giá, dây, cáp,…)	Hệ thống	1	
2	Hệ thống máy chủ hiệu năng cao	Hệ thống	1	
3	Hệ thống lưu trữ dữ liệu	Hệ thống	1	
4	Hệ thống thiết bị an toàn thông tin (*Thiết bị tường lửa cơ bản/tích hợp/web/cơ sở dữ liệu, Thiết bị phòng chống mối nguy hại thường trực (APT), Thiết bị phòng chống tấn công từ chối dịch vụ (DoS/DDoS), Thiết bị quản lý truy cập thiết bị đầu cuối (NAC), Thiết bị kết nối mạng riêng ảo (VPN Gateway), Thiết bị giám sát an toàn thông tin, Thiết bị kiểm tra, đánh giá an toàn thông tin, Thiết bị hỗ trợ điều tra, phân tích sự cố an toàn thông tin,...*)	Hệ thống	1	
5	Hệ thống, thiết bị phụ trợ phòng máy chủ *(hệ thống sàn nâng, tủ rack, máy phát điện, lưu điện, PCCC, sàn nâng, điều hòa, hệ thống giám sát an ninh, hệ thống giám sát độ ẩm và nhiệt độ, hệ thống cáp tín hiệu, hệ thống cáp điện, hệ thống chống sét...)*	Hệ thống	1	

6	Hệ thống âm thanh chuyên dụng (*micro, loa, bộ trộn âm, thiết bị khuếch đại tín hiệu, thiết bị chống nhiễu/tạp âm, tai nghe,...)*	Hệ thống	1	
7	Hệ thống thiết bị mạng (*Router, Switch, Hub, Repeater, Access Point/ Access Switch, Controller; Các loại cáp đồng, cáp quang, cáp xoắn đôi; Thiết bị cổng, Thiết bị đầu cuối xDSL, Thiết bị tường lửa, Thiết bị chuyển mạch cổng, Thiết bị cân bằng tải; Các hệ thống chuyển mạch cho NAS; Các module quang 1G/10G; Các thiết bị mạng truyền dẫn khác,...*)	Hệ thống	1	
8	Hệ thống các bộ lưu điện (UPS)	Hệ thống	1	
9	Máy trạm (Workstation): - Có cấu hình cao hơn thiết bị văn phòng phổ biến - Phục vụ công tác chuyên môn, đặc thù của đơn vị	Bộ	90	(25 cán bộ + 5 dự phòng + 15 bộ cho các phòng làm việc) x 2 = 90 bộ
10	Màn hình máy tính có độ phân giải cao	Bộ	180	Một nhân viên có 4 màn hình + 2 máy trạm
11	Máy tính xách tay chuyên dùng (Workstation Laptop): - Có cấu hình cao hơn thiết bị văn phòng phổ biến - Phục vụ công tác chuyên môn, đặc thù của đơn vị	Bộ	40	(25 cán bộ + 5 dự phòng + 10 máy phục vụ bàn họp khẩn cấp cho cán bộ lãnh đạo) x 1 bộ = 40 bộ
12	Điện thoại qua Internet (IP phone)	Chiếc	40	(25 cán bộ + 5 dự phòng + 10 máy phục vụ bàn họp khẩn cấp cho cán bộ lãnh đạo) x 1 bộ = 40 bộ

13	Thiết bị di động cầm tay chuyên dụng tiếp nhận thông tin, dữ liệu	Bộ	50	(25 cán bộ trung tâm và đi hiện trường + 5 dự phòng + 20 máy phục vụ cho cán bộ lãnh đạo) x 1 bộ = 50 bộ
14	Thiết bị di động gắn phương tiện chuyên dụng tiếp nhận thông tin, dữ liệu	Hệ thống	1	Gồm nhiều thiết bị khác nhau
15	Hệ thống bộ đàm chuyên dùng (thiết bị bộ đàm cầm tay, bộ đàm gắn xe, thiết bị điều khiển, trạm thu phát sóng, đường truyền,...)	Hệ thống	1	Gồm nhiều thiết bị khác nhau
16	Hệ thống máy chiếu (Projector) và màn chiếu chuyên dụng	Bộ	4	Trong các phòng họp chuyên dụng
17	Hệ thống màn hình cảm ứng tương tác	Hệ thống	4	Phục vụ công tác chỉ đạo điều hành
18	Hệ thống tổng đài nội bộ	Hệ thống	1	
19	Hệ thống quản lý truyền thông kết hợp thoại và vô tuyến	Hệ thống	1	
20	Máy in A0, A1, A2, A3 màu, tốc độ cao	Bộ	1	
21	Máy in offset, in cuộn	Bộ	1	
22	Máy scan A0, A1, A2, A3 màu, tốc độ cao	Bộ	1	
23	Máy photocopy A1, A2, A3 đa chức năng (đen trắng và màu), tốc độ cao	Bộ	1	
II. TRUNG TÂM TIẾP NHẬN VÀ XỬ LÝ THÔNG TIN CẤP THÀNH PHỐ				
1	Hệ thống màn hình ghép phục vụ giám sát, quản lý tập trung (màn hình, bộ điều khiển, khung giá, dây, cáp,…)	Hệ thống	3	Phục vụ cho khu vực tiếp nhận và xử lý thông tin, phòng họp chỉ huy điều hành
2	Hệ thống máy chủ hiệu năng cao	Hệ thống	1	
3	Hệ thống bộ lưu điện (UPS)	Hệ thống	1	
4	Hệ thống lưu trữ dữ liệu	Hệ thống	1	

5	Hệ thống âm thanh chuyên dụng (*micro, loa, bộ trộn âm, thiết bị khuếch đại tín hiệu, thiết bị chống nhiễu/tạp âm, tai nghe,...)*	Hệ thống	1	
6	Hệ thống thiết bị mạng (*Router, Switch, Hub, Repeater, Access Point/ Access Switch, Controller; Các loại cáp đồng, cáp quang, cáp xoắn đôi; Thiết bị cổng, Thiết bị đầu cuối xDSL, Thiết bị tường lửa, Thiết bị chuyển mạch cổng, Thiết bị cân bằng tải; Các hệ thống chuyển mạch cho NAS; Các module quang 1G/10G; Các thiết bị mạng truyền dẫn khác,...*)	Hệ thống	1	
7	Hệ thống thiết bị an toàn thông tin (*Thiết bị tường lửa cơ bản/tích hợp/web/cơ sở dữ liệu, Thiết bị phòng chống mối nguy hại thường trực (APT), Thiết bị phòng chống tấn công từ chối dịch vụ (DoS/DDoS), Thiết bị quản lý truy cập thiết bị đầu cuối (NAC), Thiết bị kết nối mạng riêng ảo (VPN Gateway), Thiết bị giám sát an toàn thông tin, Thiết bị kiểm tra, đánh giá an toàn thông tin, Thiết bị hỗ trợ điều tra, phân tích sự cố an toàn thông tin, ...*)	Hệ thống	1	
8	Thiết bị đồng bộ thời gian (Netclock)	Hệ thống	2	Phục vụ đồng bộ thời gian cho tất cả hệ thống thuộc Trung tâm
9	Hệ thống hỗ trợ điều phối bằng máy tính (Computer Aided Dispatch - CAD)	Hệ thống	1	
10	Hệ thống quản lý thông tin sự cố	Hệ thống	1	
11	Hệ thống lưu trữ lịch sử và ghi âm cuộc gọi (Logging and Recording - L&R)	Hệ thống	1	
12	Hệ thống tổng đài tiếp nhận và xử lý cuộc gọi	Hệ thống	1	
13	Hệ thống thiết bị tiếp nhận và xử lý cuộc gọi	Hệ thống	1	

14	Hệ thống quản lý truyền thông kết hợp thoại và vô tuyến	Hệ thống	1	Phục vụ cho tổng đài viên, điều phối viên, chỉ huy ca và các nhân viên hỗ trợ và dự phòng
15	Hệ thống, thiết bị phụ trợ phòng máy chủ *(hệ thống tủ rack, máy phát điện, lưu điện, PCCC, sàn nâng, điều hòa, hệ thống giám sát an ninh, hệ thống giám sát độ ẩm và nhiệt độ, hệ thống cáp tín hiệu, hệ thống cáp điện, hệ thống chống sét...)*	Hệ thống	1	
16	Hệ thống máy chiếu (Projector) và màn chiếu chuyên dụng	Bộ	10	Phục vụ cho khu vực tiếp nhận và xử lý thông tin, phòng họp chỉ huy điều hành và các phòng họp thuộc Trung tâm
17	Hệ thống bộ đàm chuyên dùng (thiết bị bộ đàm cầm tay, bộ đàm gắn xe, thiết bị điều khiển, trạm thu phát sóng, đường truyền,...)	Hệ thống	1	
18	Máy trạm (Workstation): - Có cấu hình cao hơn thiết bị văn phòng phổ biến - Phục vụ công tác chuyên môn, đặc thù của đơn vị	Bộ	240	Phục vụ cho tổng đài viên, điều phối viên, chỉ huy ca và các nhân viên hỗ trợ, 04 máy/vị trí và dự phòng (khoảng 60 người)
19	Máy tính xách tay chuyên dùng (Workstation Laptop): - Có cấu hình cao hơn thiết bị văn phòng phổ biến - Phục vụ công tác chuyên môn, đặc thù của đơn vị	Bộ	60	Phục vụ cho tổng đài viên, điều phối viên, chỉ huy ca và các nhân viên hỗ trợ

20	Màn hình máy tính có độ phân giải cao	Bộ	360	Phục vụ cho tổng đài viên, điều phối viên, chỉ huy ca và các nhân viên hỗ trợ, 06 màn hình/vị trí và dự phòng
21	Thiết bị di động cầm tay chuyên dụng tiếp nhận thông tin, dữ liệu	Bộ	1.000	Trang bị cho các lực lượng ứng cứu khẩn cấp và dự phòng
22	Thiết bị di động gắn phương tiện chuyên dụng tiếp nhận thông tin, dữ liệu	Bộ	5.000	Trang bị cho các phương tiện ứng cứu khẩn cấp và dự phòng
23	Điện thoại qua Internet (IP phone)	Chiếc	120	Phục vụ cho tổng đài viên, điều phối viên, chỉ huy ca và các nhân viên hỗ trợ, 02 máy/vị trí và dự phòng
24	Hệ thống màn hình cảm ứng tương tác	Hệ thống	10	Phục vụ cho khu vực tiếp nhận và xử lý thông tin, phòng họp chỉ huy điều hành và các phòng họp thuộc Trung tâm
25	Máy in A0, A1, A2, A3 màu, tốc độ cao	Bộ	1	
26	Máy in offset, in cuộn	Bộ	1	
27	Máy scan A0, A1, A2, A3 màu, tốc độ cao	Bộ	1	
28	Máy photocopy A1, A2, A3 đa chức năng (đen trắng và màu), tốc độ cao	Bộ	1	
III. TRUNG TÂM GIÁM SÁT CAMERA CẤP THÀNH PHỐ				

1	Hệ thống màn hình ghép phục vụ giám sát, quản lý tập trung (màn hình, bộ điều khiển, khung giá, dây, cáp,…)	Hệ thống	4	Phục vụ cho khu vực giám sát điều hành, phòng họp chỉ huy và các phòng họp
2	Hệ thống máy chủ hiệu năng cao	Hệ thống	1	
3	Hệ thống lưu trữ dữ liệu	Hệ thống	1	Thông số kỹ thuật, số lượng máy chủ tùy thuộc vào quy mô và nhu cầu của từng Trung tâm
4	Hệ thống thiết bị an toàn thông tin (*Thiết bị tường lửa cơ bản/tích hợp/web/cơ sở dữ liệu, Thiết bị phòng chống mối nguy hại thường trực (APT), Thiết bị phòng chống tấn công từ chối dịch vụ (DoS/DDoS), Thiết bị quản lý truy cập thiết bị đầu cuối (NAC), Thiết bị kết nối mạng riêng ảo (VPN Gateway), Thiết bị giám sát an toàn thông tin, Thiết bị kiểm tra, đánh giá an toàn thông tin, Thiết bị hỗ trợ điều tra, phân tích sự cố an toàn thông tin, ...*)	Hệ thống	1	
5	Hệ thống, thiết bị phụ trợ phòng máy chủ *(hệ thống tủ rack, máy phát điện, lưu điện, PCCC, sàn nâng, điều hòa, hệ thống giám sát an ninh, hệ thống giám sát độ ẩm và nhiệt độ, hệ thống cáp tín hiệu, hệ thống cáp điện,hệ thống chống sét...)*	Hệ thống	1	
6	Hệ thống thiết bị mạng (*Router, Switch, Hub, Repeater, Access Point/ Access Switch, Controller; Các loại cáp đồng, cáp quang, cáp xoắn đôi; Thiết bị cổng, Thiết bị đầu cuối xDSL, Thiết bị tường lửa, Thiết bị chuyển mạch cổng, Thiết bị cân bằng tải; Các hệ thống chuyển mạch cho NAS; Các module quang 1G/10G; Các thiết bị mạng truyền dẫn khác*)	Hệ thống	1	

7	Hệ thống âm thanh chuyên dụng (*micro, loa, bộ trộn âm, thiết bị khuếch đại tín hiệu, thiết bị chống nhiễu/ tạp âm, tai nghe,...)*	Hệ thống	1	
8	Hệ thống Bộ lưu điện (UPS)	Hệ thống	1	
9	Hệ thống bộ đàm chuyên dùng (thiết bị bộ đàm cầm tay, bộ đàm gắn xe, thiết bị điều khiển, trạm thu phát sóng, đường truyền,...)	Hệ thống	1	
10	Hệ thống tổng đài nội bộ	Hệ thống	1	
11	Hệ thống quản lý truyền thông kết hợp thoại và vô tuyến	Hệ thống	1	
12	Hệ thống máy chiếu (Projector) và màn chiếu chuyên dụng	Bộ	10	Phục vụ cho khu vực giám sát điều hành, phòng họp chỉ huy và các phòng chuyên môn
13	Hệ thống camera IP cấu hình cao phục vụ giám sát theo lĩnh vực (an ninh, giao thông,…)	Hệ thống	1	Tương ứng với mỗi vị trí cần lắp đặt camera quan sát, số lượng tương ứng với quy mô và yêu cầu quản lý của từng trung tâm
14	Hệ thống camera IP cấu hình cao phục vụ quan sát tầm cao	Hệ thống	1	Tương ứng với mỗi vị trí cần lắp đặt camera quan sát, số lượng tương ứng với quy mô và yêu cầu quản lý của từng trung tâm

15	Hệ thống thiết bị hỗ trợ lắp đặt camera *(cột trụ, tay vươn, giá lắp, tủ thiết bị chuyên dùng và thiết bị, phụ kiện hỗ trợ khác)*	Hệ thống	1	Tương ứng với mỗi vị trí cần lắp đặt camera quan sát, số lượng tương ứng với quy mô và yêu cầu quản lý của từng trung tâm
16	Hệ thống thiết bị điều khiển camera	Hệ thống	40	Tại mỗi vị trí
17	Hệ thống màn hình cảm ứng tương tác	Hệ thống	10	Phục vụ cho khu vực giám sát điều hành, phòng họp chỉ huy và các phòng họp
18	Màn hình máy tính có độ phân giải cao	Bộ	120	Phục vụ cho tổng đài viên, điều phối viên, chỉ huy ca và các nhân viên hỗ trợ, và dự phòng (khoảng 40 người)
19	Máy trạm (Workstation): - Có cấu hình cao hơn thiết bị văn phòng phổ biến - Phục vụ công tác chuyên môn, đặc thù của đơn vị	Bộ	120	Phục vụ cho nhân viên giám sát, chỉ huy ca và các nhân viên hỗ trợ, 03 máy/vị trí và dự phòng
20	Máy tính xách tay chuyên dùng (Workstation Laptop): - Có cấu hình cao hơn thiết bị văn phòng phổ biến - Phục vụ công tác chuyên môn, đặc thù của đơn vị	Bộ	40	Phục vụ cho tổng đài viên, điều phối viên, chỉ huy ca và các nhân viên hỗ trợ, 01 máy/vị trí và dự phòng
21	Điện thoại qua Internet (IP phone)	Chiếc	100	Phục vụ cho các vị trí làm việc tại Trung tâm và dự phòng

22	Thiết bị di động cầm tay chuyên dụng tiếp nhận thông tin, dữ liệu	Bộ	100	Phục vụ cho nhân viên trực giám sát, lãnh đạo, các lực lượng tại hiện trường và dự phòng
23	Thiết bị di động gắn phương tiện chuyên dụng tiếp nhận thông tin, dữ liệu	Bộ	100	Phục vụ cho các phương tiện tại hiện trường
24	Máy in A0, A1, A2, A3 màu, tốc độ cao	Bộ	1	
25	Máy in offset, in cuộn	Bộ	1	
26	Máy scan A0, A1, A2, A3 màu, tốc độ cao	Bộ	1	
27	Máy photocopy A1, A2, A3 đa chức năng (đen trắng và màu), tốc độ cao	Bộ	1	
IV. TRUNG TÂM ĐIỀU HÀNH ĐÔ THỊ THÔNG MINH CẤP SỞ, NGÀNH, QUẬN, HUYỆN				
1.	Hệ thống màn hình ghép phục vụ giám sát, quản lý tập trung (màn hình, bộ điều khiển, khung giá, dây, cáp,…)	Hệ thống	1	
2.	Hệ thống máy chủ hiệu năng cao * Thông số kỹ thuật, số lượng máy chủ tùy thuộc vào quy mô và nhu cầu của từng Trung tâm	Hệ thống	1	
3.	Hệ thống lưu trữ dữ liệu	Hệ thống	1	
4.	Hệ thống thiết bị mạng (*Router, Switch, Hub, Repeater, Access Point/ Access Switch, Controller; Các loại cáp đồng, cáp quang, cáp xoắn đôi; Thiết bị cổng, Thiết bị đầu cuối xDSL, Thiết bị tường lửa, Thiết bị chuyển mạch cổng, Thiết bị cân bằng tải; Các hệ thống chuyển mạch cho NAS; Các module quang 1G/10G; Các thiết bị mạng truyền dẫn khác*)	Hệ thống	1	

5.	Hệ thống thiết bị an toàn thông tin (*Thiết bị tường lửa cơ bản/tích hợp/web/cơ sở dữ liệu, Thiết bị phòng chống mối nguy hại thường trực (APT), Thiết bị phòng chống tấn công từ chối dịch vụ (DoS/DDoS), Thiết bị quản lý truy cập thiết bị đầu cuối (NAC), Thiết bị kết nối mạng riêng ảo (VPN Gateway), Thiết bị giám sát an toàn thông tin, Thiết bị kiểm tra, đánh giá an toàn thông tin, Thiết bị hỗ trợ điều tra, phân tích sự cố an toàn thông tin, ...*)	Hệ thống	1	
6.	Hệ thống, thiết bị phụ trợ phòng máy chủ *(hệ thống tủ rack, máy phát điện, lưu điện, PCCC, sàn nâng, điều hòa, hệ thống giám sát an ninh, hệ thống giám sát độ ẩm và nhiệt độ, hệ thống cáp tín hiệu, hệ thống cáp điện, thiết bị chống sét...)*	Hệ thống	1	
7.	Bộ lưu điện (UPS)	Bộ/ thiết bị	1	
8.	Hệ thống âm thanh chuyên dụng (*micro, loa, bộ trộn âm, thiết bị khuếch đại tín hiệu, thiết bị chống nhiễu/tạp âm, tai nghe,...)*	Hệ thống	1	
9.	Hệ thống quản lý truyền thông kết hợp thoại và vô tuyến	Hệ thống	1	
10.	Hệ thống máy chiếu (Projector) và màn chiếu chuyên dụng	Bộ	2	
11.	Máy trạm (Workstation): - Có cấu hình cao hơn thiết bị văn phòng phổ biến - Phục vụ công tác chuyên môn, đặc thù của đơn vị	Bộ	20	Phục vụ cho các vị trí trực, chỉ huy điều hành và dự phòng
12.	Máy tính xách tay chuyên dùng (Workstation Laptop): - Có cấu hình cao hơn thiết bị văn phòng phổ biến - Phục vụ công tác chuyên môn, đặc thù của đơn vị	Bộ	20	Phục vụ cho các vị trí trực, chỉ huy điều hành và dự phòng

13.	Điện thoại qua Internet (IP phone)	Chiếc	20	Phục vụ cho các vị trí trực, chỉ huy điều hành và dự phòng
14.	Hệ thống bộ đàm chuyên dùng (thiết bị bộ đàm cầm tay, bộ đàm gắn xe, thiết bị điều khiển, trạm thu phát sóng, đường truyền,...)	Hệ thống	1	
15.	Thiết bị di động cầm tay chuyên dụng tiếp nhận thông tin, dữ liệu	Bộ	10	
16.	Thiết bị di động gắn phương tiện chuyên dụng tiếp nhận thông tin, dữ liệu	Bộ	10	
17.	Hệ thống màn hình cảm ứng tương tác	Hệ thống	2	
18.	Màn hình máy tính có độ phân giải cao	Bộ	40	Phục vụ cho các vị trí trực, chỉ huy điều hành và dự phòng (02 màn hình/vị trí)
19.	Hệ thống quản lý truyền thông kết hợp thoại và vô tuyến	Hệ thống	1	
20.	Hệ thống camera IP cấu hình cao phục vụ giám sát theo lĩnh vực (an ninh, giao thông,…)	Hệ thống	1	
21.	Hệ thống camera IP cấu hình cao phục vụ quan sát tầm cao	Hệ thống	1	
22.	Hệ thống thiết bị hỗ trợ lắp đặt camera *(cột trụ, tay vươn, giá lắp, tủ thiết bị chuyên dùng và thiết bị, phụ kiện hỗ trợ khác)*	Hệ thống	1	
23.	Thiết bị điều khiển camera	Bộ	1	
24.	Máy in A0, A1, A2, A3 màu, tốc độ cao	Bộ	1	
25.	Máy in offset, in cuộn	Bộ	1	
26.	Máy scan A0, A1, A2, A3 màu, tốc độ cao	Bộ	1	
27.	Máy photocopy A1, A2, A3 đa chức năng (đen trắng và màu), tốc độ cao	Bộ	1	

B. KHỐI SỞ, BAN, NGÀNH, QUẬN, HUYỆN

TT	Danh mục	Đơn vị tính	Số lượng	Thuyết minh
1.	Hệ thống máy chủ hiệu năng cao	Hệ thống	1	
2.	Máy trạm (Workstation): - Có cấu hình cao hơn thiết bị văn phòng phổ biến - Phục vụ công tác chuyên môn, đặc thù của đơn vị	Bộ	10	
3.	Máy tính xách tay chuyên dùng (Workstation Laptop): - Có cấu hình cao hơn thiết bị văn phòng phổ biến - Phục vụ công tác chuyên môn, đặc thù của đơn vị	Bộ	10	
4.	Màn hình có độ phân giải cao (LCD, LED, OLED)	Bộ	10	
5.	Hệ thống máy chiếu (Projector) và màn chiếu chuyên dụng	Bộ	1	
6.	Hệ thống màn hình cảm ứng tương tác	Hệ thống	1	
7.	Hệ thống lưu điện dành cho các thiết bị Trung tâm	Hệ thống	1	
8.	Bộ lưu điện dành cho thiết bị riêng lẻ	Bộ/thiết bị	1	
9.	Hệ thống thiết bị mạng (*Router, Switch, Hub, Repeater, Access Point/ Access Switch, Controller; Các loại cáp đồng, cáp quang, cáp xoắn đôi; Thiết bị cổng, Thiết bị đầu cuối xDSL, Thiết bị tường lửa, Thiết bị chuyển mạch cổng, Thiết bị cân bằng tải; Các hệ thống chuyển mạch cho NAS; Các module quang 1G/10G; Các thiết bị mạng truyền dẫn khác*)	Hệ thống	1	
10.	Hệ thống lưu trữ	Hệ thống	1	
11.	Hệ thống thiết bị an toàn thông tin (*Thiết bị tường lửa cơ bản/tích hợp/web/cơ sở dữ liệu, Thiết bị phòng chống mối nguy hại thường trực (APT), Thiết bị phòng chống tấn công từ chối dịch vụ (DoS/DDoS), Thiết bị quản lý truy cập*	Hệ thống	1	

	thiết bị đầu cuối (NAC), Thiết bị kết nối mạng riêng ảo (VPN Gateway), Thiết bị giám sát an toàn thông tin, Thiết bị kiểm tra, đánh giá an toàn thông tin, Thiết bị hỗ trợ điều tra, phân tích sự cố an toàn thông tin, Thiết bị chống sét...)			
12.	Thiết bị di động cầm tay chuyên dụng tiếp nhận thông tin, dữ liệu	Bộ	10	
13.	Thiết bị di động gắn phương tiện chuyên dụng tiếp nhận thông tin, dữ liệu	Bộ	10	
14.	Điện thoại qua Internet (IP phone)	Chiếc	10	
15.	Thiết bị chụp ảnh độ phân giải cao	Bộ	1	
16.	Thiết bị quay phim độ phân giải cao	Bộ	1	
17.	Thiết bị ghi hình chuyên nghiệp	Bộ	1	
18.	Hệ thống, thiết bị xử lý ảnh, phim hậu kỳ	Hệ thống	1	
19.	Máy in A0, A1, A2, A3 màu, tốc độ cao	Bộ	1	
20.	Máy in offset, in cuộn	Bộ	1	
21.	Máy scan A0, A1, A2, A3 màu, tốc độ cao	Bộ	1	
22.	Máy photocopy A1, A2, A3 đa chức năng (đen trắng và màu), tốc độ cao	Bộ	1	

C. KHỐI CÁC ĐƠN VỊ TRỰC THUỘC SỞ, BAN, NGÀNH, QUẬN, HUYỆN

TT	Danh mục	Đơn vị tính	Số lượng	Thuyết minh
1.	Máy trạm (Workstation): - Có cấu hình cao hơn thiết bị văn phòng phổ biến - Phục vụ công tác chuyên môn, đặc thù của đơn vị	Bộ	10	
2.	Máy tính xách tay chuyên dùng (Workstation Laptop): - Có cấu hình cao hơn thiết bị văn phòng phổ biến - Phục vụ công tác chuyên môn, đặc thù của đơn vị	Bộ	10	
3.	Màn hình có độ phân giải cao (LCD, LED, OLED)	Bộ	10	

4.	Hệ thống máy chiếu (Projector) và màn chiếu chuyên dụng	Bộ	1	
5.	Hệ thống màn hình cảm ứng tương tác	Hệ thống	1	
6.	Hệ thống lưu điện dành cho các thiết bị Trung tâm	Hệ thống	1	
7.	Bộ lưu điện dành cho thiết bị riêng lẻ	Bộ/thiết bị	1	
8.	Hệ thống thiết bị mạng (*Router, Switch, Hub, Repeater, Access Point/ Access Switch, Controller; Các loại cáp đồng, cáp quang, cáp xoắn đôi; Thiết bị cổng, Thiết bị đầu cuối xDSL, Thiết bị tường lửa, Thiết bị chuyển mạch cổng, Thiết bị cân bằng tải; Các hệ thống chuyển mạch cho NAS; Các module quang 1G/10G; Các thiết bị mạng truyền dẫn khác*)	Hệ thống	1	
9.	Hệ thống lưu trữ	Hệ thống	1	
10.	Hệ thống thiết bị an toàn thông tin (*Thiết bị tường lửa cơ bản/tích hợp/web/cơ sở dữ liệu, Thiết bị phòng chống mối nguy hại thường trực (APT), Thiết bị phòng chống tấn công từ chối dịch vụ (DoS/DDoS), Thiết bị quản lý truy cập thiết bị đầu cuối (NAC), Thiết bị kết nối mạng riêng ảo (VPN Gateway), Thiết bị giám sát an toàn thông tin, Thiết bị kiểm tra, đánh giá an toàn thông tin, Thiết bị hỗ trợ điều tra, phân tích sự cố an toàn thông tin, ...*)	Hệ thống	1	
11.	Điện thoại qua Internet (IP phone)	Chiếc	5	
12.	Máy in A0, A1, A2, A3 màu, tốc độ cao	Bộ	1	
13.	Máy in offset, in cuộn	Bộ	1	
14.	Máy scan A0, A1, A2, A3 màu, tốc độ cao	Bộ	1	
15.	Máy photocopy A1, A2, A3 đa chức năng (đen trắng và màu), tốc độ cao	Bộ	1	

Ký bởi: Trung tâm Công báo
Email: ttcb.ubnd@tphcm.gov.vn
Cơ quan: Thành phố Hồ Chí Minh
Thời gian ký: 02.06.2020 15:51:26 +07:00

ỦY BAN NHÂN DÂN QUẬN BÌNH TÂN

ỦY BAN NHÂN DÂN **QUẬN BÌNH TÂN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 05/2020/QĐ-UBND	*Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 23 tháng 4 năm 2020*

QUYẾT ĐỊNH

Về bãi bỏ Quyết định số 08/2009/Q Đ-UBND ngày 16 tháng 4 năm 2009 của Ủy ban nhân dân quận Bình Tân về ban hành Quy định tiếp công dân, xử lý đơn, giải quyết tranh chấp, khiếu nại, tố cáo trên địa bàn quận Bình Tân

ỦY BAN NHÂN DÂN QUẬN BÌNH TÂN

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật;

Căn cứ Quyết định số 02/2017/QĐ-UBND ngày 10 tháng 01 năm 2017 của Ủy ban nhân dân Thành phố ban hành Quy chế về kiểm tra, xử lý, rà soát, hệ thống hóa văn bản quy phạm pháp luật và tổ chức, quản lý cộng tác viên kiểm tra, rà soát, hệ thống hóa văn bản quy phạm pháp luật trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh;

Căn cứ Quyết định số 06/2020/QĐ-UBND ngày 20 tháng 01 năm 2020 của Ủy ban nhân dân Thành phố về việc bãi bỏ văn bản;

Theo đề nghị của Chánh Thanh tra quận tại Tờ trình số 186/TTr-TTQ ngày 24 tháng 02 năm 2020 và ý kiến thẩm định của Phòng Tư pháp quận tại Báo cáo số 135/BC-TP ngày 11 tháng 6 năm 2019,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Bãi bỏ Quyết định số 08/2009/QĐ-UBND ngày 16 tháng 4 năm 2009 của Ủy ban nhân dân quận Bình Tân về ban hành Quy định tiếp công dân, xử lý đơn, giải quyết tranh chấp, khiếu nại, tố cáo trên địa bàn quận Bình Tân, có nội dung không còn phù hợp theo quy định pháp luật hiện hành

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày 05 tháng 5 năm 2020.